

Bản án số: **51/2022/DS-PT**

Ngày: 05 - 5 - 2022

V/v: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố

Văn bản công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 30/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 68, thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Châu Thị Mỹ H1, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà 16, thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Công Ng, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng T1, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã M.

2. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 68, thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

4. Ông Nguyễn Đăng Thiên B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Hiện cư trú tại: số 279A2, Bình Thạnh, Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Hoàng Trọng N; Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Đoàn Thị H là nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà H, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày: Từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 01 năm 2019 bà Châu Thị Mỹ H1 có vay mượn của bà H rất nhiều lần, tính đến tháng 11/2018, bà Châu Thị Mỹ H1 đã nợ của bà H tổng cộng 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm vào ngày 17/7/2019 (bản án số 18/2019/DS-ST) tuyên buộc vợ chồng bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T phải trả cho bà H số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Sau đó bà Châu Thị Mỹ H1 kháng cáo và được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm vào ngày 29/11/2019 (bản án số 116/2019/DS-PT) tuyên không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị Mỹ H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà H đã làm đơn yêu cầu thi hành án 02 bản án trên vào đầu năm 2020. Sau khi làm đơn yêu cầu thi hành án, qua xác minh tài sản để thi hành án thì Phòng TN&MT huyện Hàm Tân báo cho bà H biết, tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.094m² của vợ chồng ông T, bà H1 đã chuyển nhượng cho bà Th.

Theo bà H thì vào ngày 14/01/2019, bà H có yêu cầu bà Châu Thị Mỹ H1 thanh toán tiền nợ thì bà H1 nhờ bà H chở đến một số con nợ lấy tiền để trả nợ bà H, trên đường đi bà H1 ngồi phía sau bất ngờ dùng nón bảo hiểm đập vào đầu bà H làm ngất xỉu, bà H đã làm đơn tố giác bà H1 về hành vi cố ý gây thương tích, đồng thời khởi kiện yêu cầu bà H1, ông T trả nợ số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, ngay sau khi đánh bà H thì ngày 23/01/2019 vợ chồng bà H1, ông T đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Th.

Bà H cho rằng bà H1, ông T chuyển nhượng 1.094m² đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị Th đứng tên nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tuyên bố “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ

H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được UBND xã M chứng thực số 34/2019 vô hiệu”.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị Mỹ H1 không có ý kiến, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H1 không chấp hành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày: Vợ chồng ông không chấp nhận yêu cầu của bà H vì vợ chồng ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Th là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được UBND xã M chứng thực vào ngày 23/01/2019. Về trình tự thủ tục chuyển nhượng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có việc ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cũng không có sự ngăn chặn của bà Đoàn Thị H. Do điều kiện vợ chồng ông khó khăn, không còn chỗ ở nào khác nên bà Nguyễn Thị Th cho ở tạm để buôn bán có thu nhập nuôi sống gia đình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Vào ngày 23/01/2019, UBND xã M có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Anh T, bà Châu Thị Mỹ H1 với bà Nguyễn Thị Th. Các đương sự đều thường trú tại thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Sau khi tiếp nhận yêu cầu, UBND xã đã tiến hành các bước như kiểm tra dự thảo hợp đồng, giấy tờ tùy thân của hai bên và các giấy tờ liên quan đến tài sản cần giao dịch. Tại thời điểm chứng thực các bên tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, phù hợp với hợp đồng xác lập; các bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng với tinh thần tự nguyện, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Mục đích của việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặc khác, trong thời gian tiếp nhận hồ sơ chứng thực hợp đồng, UBND xã M không nhận được bất cứ văn bản nào của cơ quan thi hành pháp luật hoặc cấp có thẩm quyền đề nghị ngăn chặn giao dịch trên. Căn cứ vào Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự giữa các ông, bà có tên trên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Về mặt thủ tục chứng thực hợp đồng: UBND xã tuân thủ theo thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch, các giấy tờ liên quan đảm bảo theo quy định pháp luật tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. Do đó việc bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được UBND xã M chứng thực số 34/2019 vô hiệu” là không có căn cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q (chồng bà Đoàn Thị H) trình bày: Ông Q thống nhất như ý kiến của nguyên đơn bà H, đề nghị tuyên bố “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ

H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được UBND xã M chứng thực số 34/2019 vô hiệu”. Ông Q xác định vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Châu Thị Mỹ H1 chuyển nhượng thửa đất số 191, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.094m² cho bà Nguyễn Thị Th là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Trong thời điểm gần tết Âm lịch năm 2018, ngày dương lịch là khoảng đầu tháng 01 năm 2019 vợ chồng bà H1 - ông T có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất tọa lạc tại thôn 4, xã M nên bà có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H1 - ông T. Diện tích đất chuyển nhượng là 1.094m² (trong đó có 200m² đất ở và còn lại là đất trồng cây lâu năm). Đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Anh T đứng tên tại Giấy CNQSDĐ số BL 304239 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11 tháng 3 năm 2013. Hai bên đã tiến hành đến UBND xã M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và được UBND xã M chứng thực vào ngày 23/01/2019. Về trình tự thủ tục chuyển nhượng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm chuyển nhượng bà không biết và không nghe gì về việc vợ chồng bà H1 - ông T nợ tiền vay của bà H. Bà chỉ biết giữa bà H với vợ chồng bà H1 - ông T là bạn bè rất thân thiết với nhau. Khi chuyển nhượng không có sự ngăn cản của bà H hoặc văn bản ngăn chặn nào của cơ quan có thẩm quyền. Nếu có thì bà không bao giờ nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng bà H1 - ông T. Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ do bà đứng tên, bà đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Đăng Thiên B và ông Hoàng Trọng N tại thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân. Diện tích còn lại bà đang sử dụng là 525m². Do điều kiện vợ chồng bà H1 - ông T khó khăn, không còn chỗ ở nào để ở nên bà cho vợ chồng bà H1 - ông T ở tạm để buôn bán có thu nhập nuôi sống gia đình. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H vì việc bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông T là hợp pháp, đúng theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Thiên B trình bày: Nguồn gốc đất ông đang sử dụng tại thôn 4, xã M, huyện Hàm Tân có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ ruột của ông Nguyễn Anh T) diện tích đất 250m² (10m ngang x 25m dài) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H2 đứng tên, đã tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đứng tên. Đến năm 2016 ông nhận chuyển nhượng thêm của ông Nguyễn Anh T - bà Châu Thị Mỹ H1 diện tích 3m ngang và dài 25m = 75m² sát với đất mà ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H2 trước đây để mở rộng diện tích đất, nhưng tại thời điểm này không làm thủ tục tách thửa được vì vậy sau khi vợ chồng ông Nguyễn Anh T - bà Nguyễn Thị Mỹ H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Th

thì bà Th mới làm thủ tục chuyển nhượng 3m ngang này cho ông vào tháng 4/2019. Về trình tự thủ tục chuyển nhượng đất giữa ông với bà Nguyễn Thị Th đều được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục. Sau khi ông làm biến động diện tích 250m² nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H2 và diện tích 75m² nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Th vào trong một thửa và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 537362 cấp ngày 17 tháng 4 năm 2019. Khi chuyển nhượng không có sự ngăn cản của bà H hoặc văn bản ngăn chặn của nào cơ quan có thẩm quyền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trọng N: Không có ý kiến trình bày, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông N không chấp hành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân, đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 5, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ “về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch”; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được UBND xã M chứng thực số 34/2019 vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 và ngày 22 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn bà Đoàn Thị H có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người kháng cáo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; các đương sự khác không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Bản án sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 05/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân tuyên xử là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị H kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

[2] Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Đoàn Thị H cho rằng bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T chuyển nhượng 1.094m² đất và tài sản trên đất vào ngày 23/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Th đúng tên nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.300.000.000đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 34/2019 vô hiệu” nhưng quá trình tham gia tố tụng, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu theo quy định từ Điều 122 đến Điều 129 của Bộ Luật Dân sự.

Xét thấy việc Ủy ban nhân dân xã M chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật, bởi:

- Tại thời điểm chứng thực các bên ký kết hợp đồng đều có mặt và đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Mục đích của giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

- Tại thời điểm chứng thực, bà Đoàn Thị H không có đơn hoặc văn bản đề nghị, yêu cầu dừng chuyển dịch quyền sử dụng đất hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của cơ quan có thẩm quyền đối với thửa đất nêu trên.

Đồng thời, sau khi nhận chuyển nhượng diện tích 1.094m² đất của vợ chồng bà H1, ông T thì bà Th đã chuyển nhượng 467,2m² đất cho ông Hoàng Trọng N và 75m² đất cho ông Nguyễn Đăng Thiên B. Về trình tự thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, xét thấy giữa vợ chồng bà H1, ông T và bà Th xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã M chứng thực ngày 23/01/2019 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân cập nhật biến động quyền sử dụng đất sang tên bà Th vào ngày 30/01/2019. Ngày 05/3/2019, TAND huyện Hàm Tân mới thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H với vợ chồng bà H1, ông T. Tại bản án sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 17/7/2019 của TAND huyện Hàm Tân đã tuyên buộc vợ chồng bà H1, ông T phải trả cho bà H số tiền 3.300.000.000đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi xét xử sơ thẩm vợ chồng bà H1, ông T kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 116/2019/DS-PT ngày 29/11/2019 của TAND tỉnh Bình Thuận đã bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 12/5/2020 bà H mới có đơn yêu cầu thi hành án. Như vậy, việc bà H cho rằng vợ chồng bà H1, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Th nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.300.000.000đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) nên bà H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu là chưa có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị H là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân.

Áp dụng: khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 5,

Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ “về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch”; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị Mỹ H1, ông Nguyễn Anh T với bà Nguyễn Thị Th đã được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 34/2019 ngày 23/01/2019 vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002611 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà H đã nộp đủ khoản tiền này.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007003 ngày 29/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà Đoàn Thị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 5 năm 2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- Chi Cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu